



BỘ TÀI CHÍNH
THE MINISTRY OF FINANCE

CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP

THEO THÔNG TƯ 24/2024/TT-BTC

CUNG CẤP THÔNG TIN BÁO CÁO

```
graph TD; A[CUNG CẤP THÔNG TIN BÁO CÁO] --> B[Báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động]; A --> C[Báo cáo tài chính]; D[Thực thu- thực chi => Số liệu trên cơ sở tiền] --> B; E[Số liệu trên cơ sở kế toán dồn tích] --> C;
```

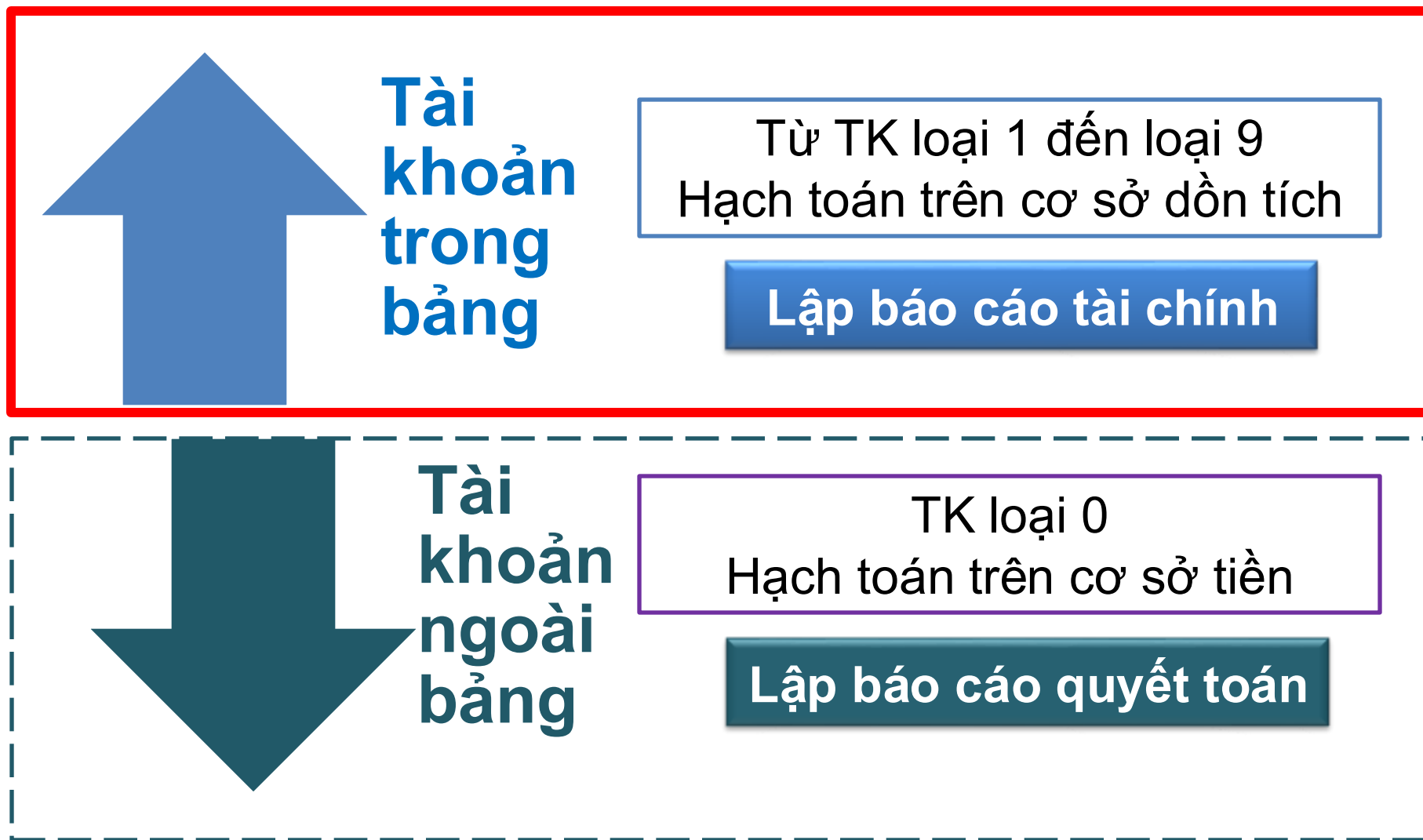
**Báo cáo quyết toán
kinh phí hoạt động**

Thực thu- thực chi
=> Số liệu trên cơ sở tiền

Báo cáo tài chính

Số liệu trên cơ sở kế toán
dồn tích

Kết cấu hệ thống tài khoản



CƠ CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

**Tự chủ biên chế,
kinh phí quản lý hành chính**

- Nghị định 130/2005/NĐ – CP
- Nghị định 117/2013/NĐ – CP
- Thông tư 71/2014/TTLT-BTC-BNV

ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

**Cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn
vị sự nghiệp công lập**

- Nghị định 60/2021/NĐ-CP
- **Nghị định 111/2025/NĐ-CP**
- Thông tư 56/2022/TT-BTC

**Phụ lục I “Hệ thống tài khoản kế toán và hướng
dẫn hạch toán kế toán”**

Doanh thu

Doanh thu

- **Doanh thu là tổng các nguồn lực đơn vị thu được trong kỳ báo cáo làm tăng tài sản thuần của đơn vị** (Các nguồn lực đơn vị thu được có thể bằng tiền, tài sản, dịch vụ hoặc nguồn lực khác)
- Trừ đi:
 - ✓ Các khoản đơn vị kế toán cấp dưới nhận kinh phí điều hoà tập trung do đơn vị kế toán cấp trên cấp từ quỹ thuộc đơn vị hoặc từ kinh phí mang sang năm sau.
 - ✓ Các khoản tăng liên quan đến vốn góp của chủ sở hữu

Các khoản thu hộ cho nhà nước hoặc các đơn vị khác không được ghi nhận vào doanh thu của đơn vị thu hộ, vì đơn vị thu hộ không có quyền kiểm soát hoặc hưởng lợi từ tài sản thu hộ trong quá trình thực hiện các mục tiêu của mình.

Doanh thu

Hướng dẫn chuẩn mực kế toán công VN

Doanh thu từ giao dịch không trao đổi

Doanh thu không trao đổi là doanh thu từ các nguồn lực đơn vị nhận được **mà không phải bồi hoàn trực tiếp** hoặc chỉ bồi hoàn danh nghĩa

Doanh thu từ giao dịch trao đổi

Doanh thu trao đổi là doanh thu từ các nguồn lực đơn vị nhận được và **phải trực tiếp bồi hoàn cho bên khác một giá trị tương đương** (thông thường dưới hình thức hàng hóa, dịch vụ, hoặc quyền sử dụng tài sản)

Điều kiện ghi nhận doanh thu

Quy định về điều kiện ghi nhận doanh thu trong năm

➤ **Doanh thu từ giao dịch trao đổi**

- Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng hoá
- Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

➤ **Doanh thu từ giao dịch không trao đổi: 2 trường hợp:**

- Nhận kinh phí và không kèm theo điều kiện sử dụng kinh phí (chỉ gồm hạn chế)
- Nhận kinh phí và kèm theo các điều kiện sử dụng kinh phí



Xác định đúng để ghi nhận doanh thu

- Đối với cơ quan hành chính nhà nước

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập

TK DOANH THU

511		Doanh thu từ kinh phí NSNN cấp
512		Doanh thu từ nhà tài trợ nước ngoài
	5121	Doanh thu viện trợ nước ngoài
	5122	Doanh thu vay nợ nước ngoài
514		Doanh thu từ phí được khấu trừ, để lại
515		Doanh thu tài chính
518		Doanh thu từ hoạt động nghiệp vụ
531		Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ
	5311	Doanh thu do đơn vị trực tiếp thu
	5312	Doanh thu kinh phí cung cấp dịch vụ sự nghiệp công từ ngân sách nhà nước
711		Thu nhập khác

TK DOANH THU

**TK 511- Doanh
thu từ KP
NSNN cấp**



**Doanh thu từ KP NSNN cấp
cho hoạt động đơn vị trong
năm**

(trừ kinh phí NSNN giao nhiệm
vụ, đặt hàng, đấu thầu hoặc hỗ
trợ thực hiện hoạt động dịch vụ
sự nghiệp công sử dụng NSNN
của ĐVSNCL)



**TK 531- Doanh
thu từ hoạt
động SXKD, DV**



**Doanh thu do đơn vị
trực tiếp thu- 5311**

**Doanh thu kinh phí
cung cấp dịch vụ sự
nghiệp công từ
NSNN- 5312**

- **TK 511- Doanh thu từ kinh
phí NSNN cấp**

Cơ quan HCNN

Ngân sách nhà nước **CẤP**

KP QLHC giao để
thực hiện tự chủ

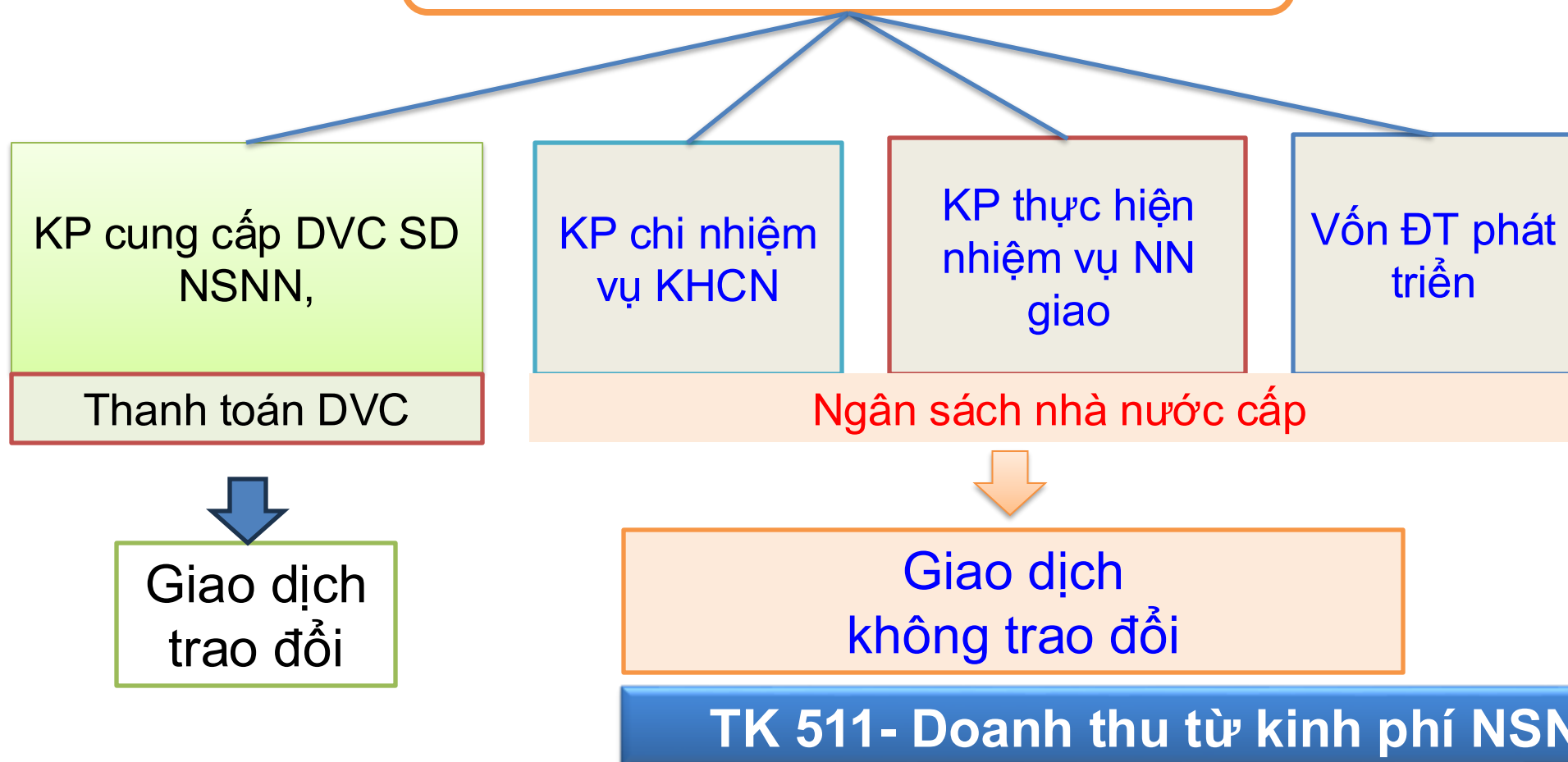
KP giao không
thực hiện tự chủ

Giao dịch không trao đổi

TK 511- Doanh thu từ kinh phí NSNN cấp

ĐVSNCL nhóm 1, 2

Nguồn ngân sách nhà nước



Giao dịch không trao đổi **không kèm theo điều kiện**

Là giao dịch xảy ra trong trường hợp đơn vị nhận được nguồn lực, được quyết định việc sử dụng các nguồn lực này cho hoạt động của mình và **không có các yêu cầu liên quan đến việc đơn vị phải hoàn trả lại nguồn lực**, bao gồm cả trường hợp đã có thỏa thuận về việc sử dụng nguồn lực cho một mục đích cụ thể nhưng không chắc chắn về việc phải hoàn trả khi đơn vị không sử dụng đúng mục đích

**Nhận kinh phí NSNN
cấp** theo hình thức giao
tự chủ

Nhận kinh phí viện trợ,
hỗ trợ của nhà tài trợ cho
đơn vị và không có yêu
cầu hoàn trả

Giao dịch không trao đổi **có kèm theo điều kiện**

Là giao dịch xảy ra trong trường hợp đơn vị nhận được nguồn lực, mà theo quy định pháp luật hoặc thỏa thuận của bên cấp KP, đơn vị chỉ được sử dụng cho mục đích cụ thể đã được quy định sẵn, nếu sử dụng không đúng mục đích thì chắc chắn **sẽ phải hoàn trả lại cho bên cấp kinh phí** mà không có phương án nào khác.

Nhận kinh phí NSNN cấp:

- Kinh phí hoạt động không giao. tự chủ
- Kinh phí chi đầu tư;

Nhận kinh phí viện trợ, hỗ trợ của nhà tài trợ cho đơn vị để thực hiện các công việc theo mục đích cụ thể, nếu đơn vị sử dụng sai mục đích hoặc sử dụng không hết phải trả lại cho nhà tài trợ

Nhận kinh phí vay nợ nước ngoài theo dự án

Kinh phí NSNN cấp- CQHCNN

```
graph TD; A[Kinh phí NSNN cấp- CQHCNN] --> B[KP QLHC giao để thực hiện tự chủ]; A --> C[KP giao không thực hiện tự chủ]; B --> D[Không kèm điều kiện (hạn chế)]; B --> E[Ghi nhận doanh thu ngay]; C --> F[Kèm điều kiện]; C --> G[Thoả mãn điều kiện mới ghi doanh thu];
```

KP QLHC giao để thực hiện tự chủ

Không kèm điều kiện (hạn chế)

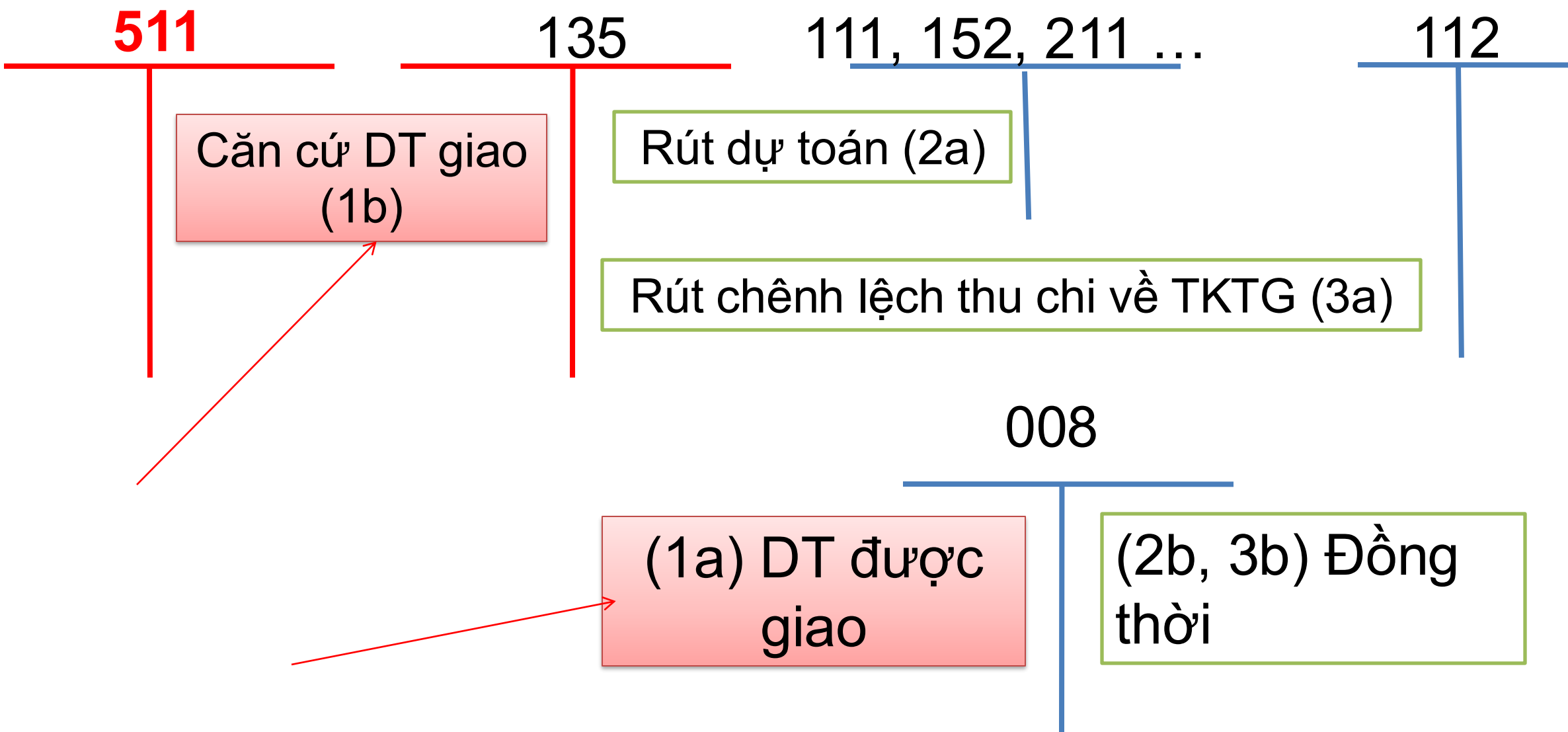
Ghi nhận doanh thu ngay

KP giao không thực hiện tự chủ

Kèm điều kiện

Thoả mãn điều kiện mới ghi doanh thu

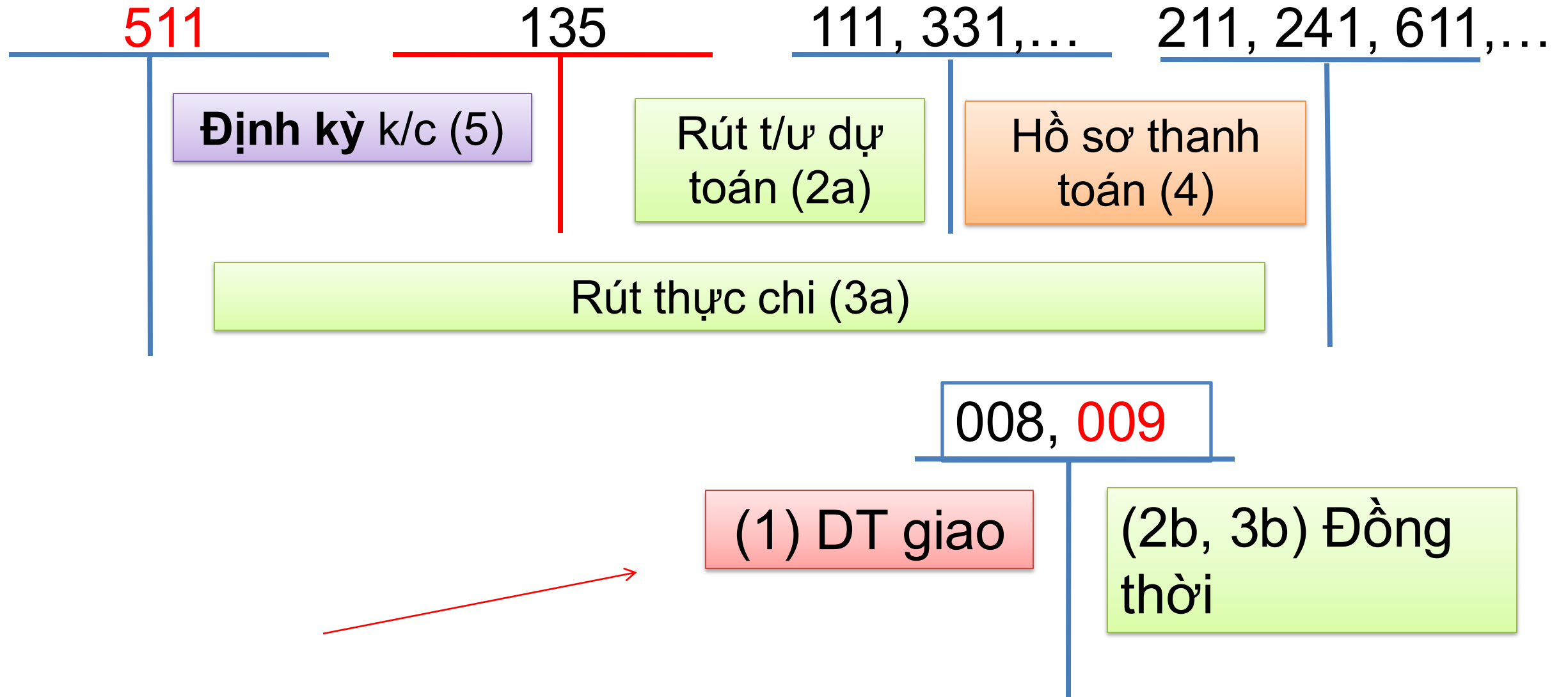
KP NSNN cấp – giao tự chủ CQNN



KP chi TX thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao ĐVSNCCL nhóm 1 và 2 (KP không giao tự chủ)

- KP thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;
- KP vốn đối ứng thực hiện các dự án có nguồn vốn nước ngoài theo quyết định của cấp có thẩm quyền;
- KP thực hiện nhiệm vụ được cơ quan thẩm quyền giao;
- KP được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao để thực hiện nhiệm vụ cung cấp DVSNCCL sử dụng NSNN trong trường hợp chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN;
- Kinh phí thực hiện các chương trình/kế hoạch/đề án/dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

Sơ đồ KPNS giao không tự chủ



Nhận kinh phí viện trợ, hỗ trợ

512, 711

Khi đã thỏa mãn
ĐK (2)

135

Nhận KP kèm theo điều
kiện (1)

112

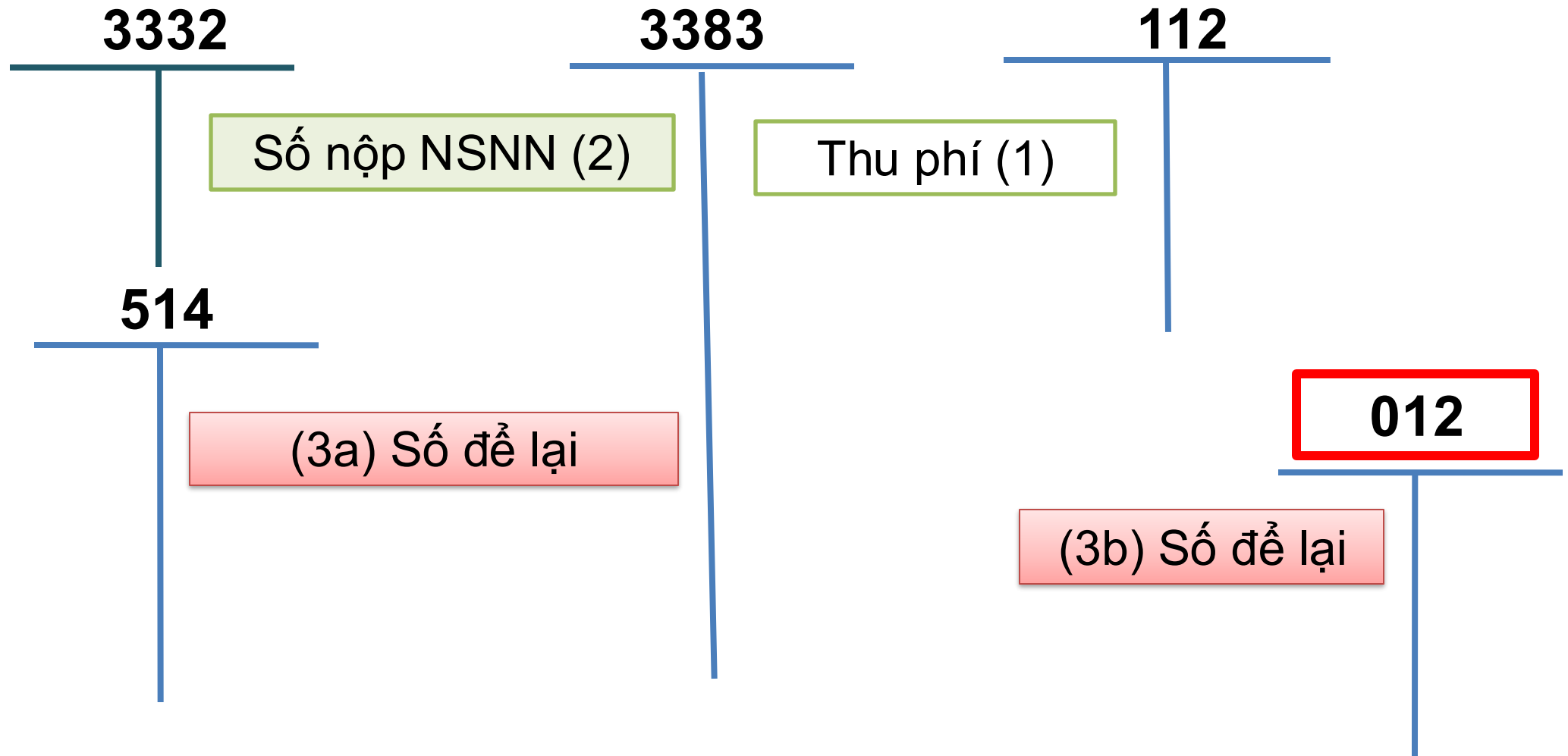
Nhận KP không kèm theo điều kiện (3)

007, 008

(4) DT được giao

(5) Số đã thực hiện
ghi thu ghi chi có xác
nhận KBNN

- Sơ đồ hạch toán doanh thu từ phí được khấu trừ để lại



TK 518- Doanh thu từ hoạt động nghiệp vụ

Phản ánh doanh thu phát sinh từ nguồn thu hoạt động nghiệp vụ được để lại chi cho hoạt động của ĐV theo cơ chế tài chính



- Doanh thu từ nguồn thu Đảng phí cho hoạt động CQ Đảng;
- Doanh thu từ nguồn thu được để lại cho hoạt động chung của CQ, ĐV thuộc các TCCT - XH,...
- Doanh thu được trích từ lãi hoạt động đầu tư các quỹ bảo hiểm, trích từ quỹ BHYT, BHTN để lại sử dụng cho hoạt động của hệ thống cơ quan BHXH
- **KP Quản lý dự án**

TK 531- Doanh thu từ hoạt động SXKD, dịch vụ

TK 5311- Doanh thu do đơn vị trực tiếp thu

Thu trực tiếp từ người thụ hưởng hoặc từ bên khác (ngoài NSNN) trong năm.



Nhận trước của khách hàng TK 131

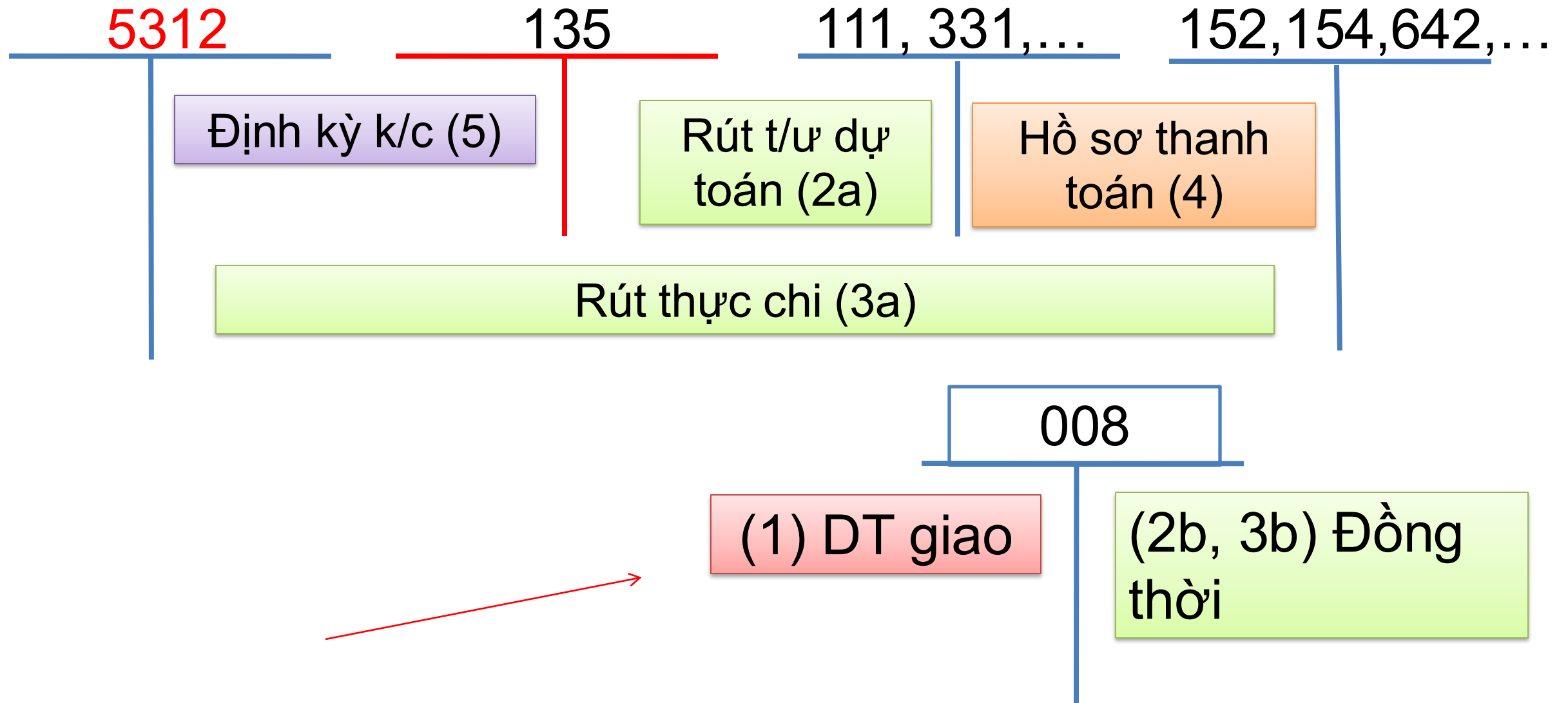
Doanh thu nhận trước TK 3387

Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu bán SP hàng hóa

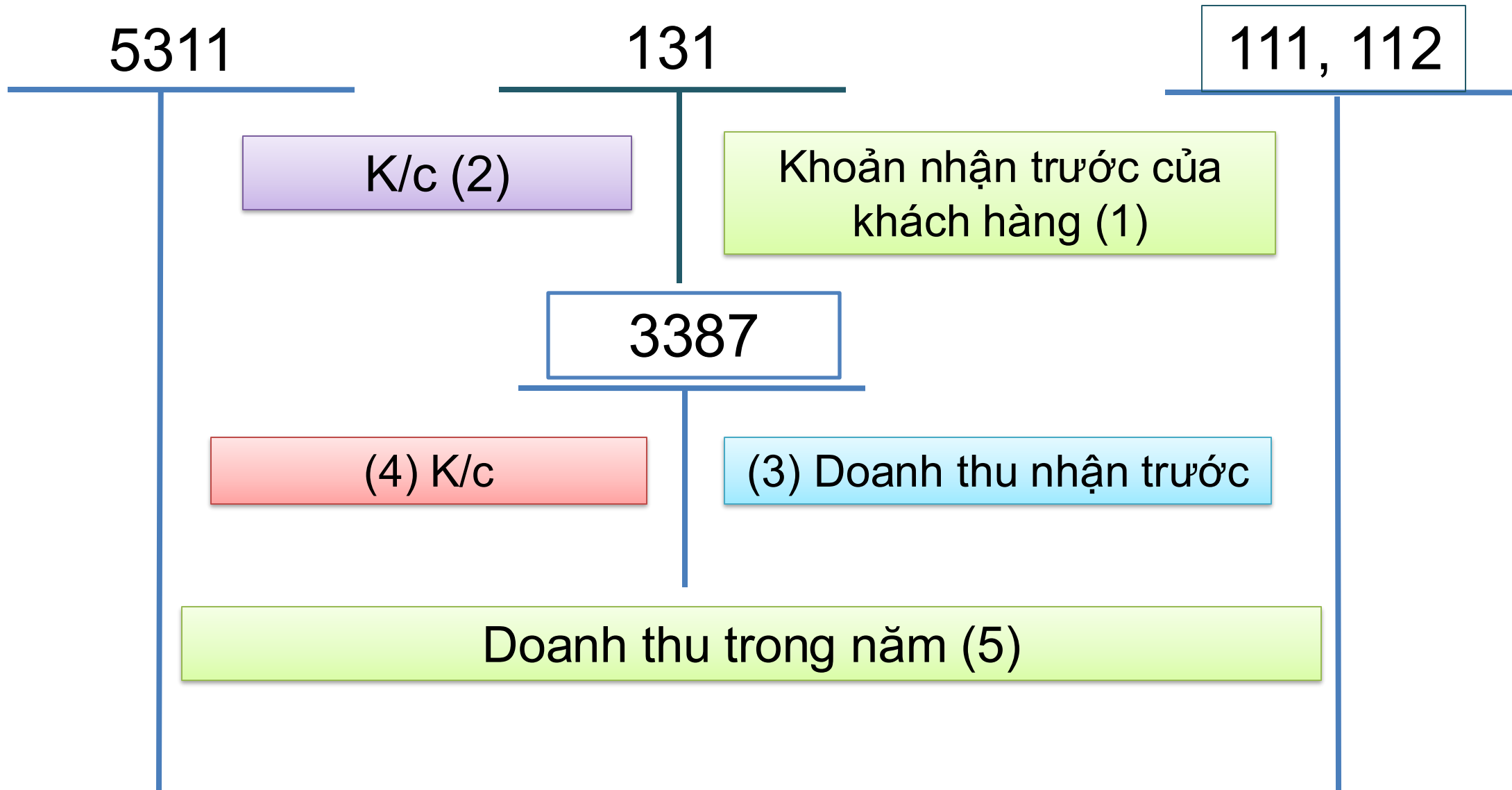
TK 5312- Doanh thu KP cung cấp dịch vụ sự nghiệp công từ NSNN

KPNS cấp cho đơn vị để cung cấp hoạt động dịch vụ SNC thuộc danh mục dịch vụ SNC sử dụng NSNN (gồm cả KPNS giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu, hỗ trợ thực hiện hoạt động dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN)

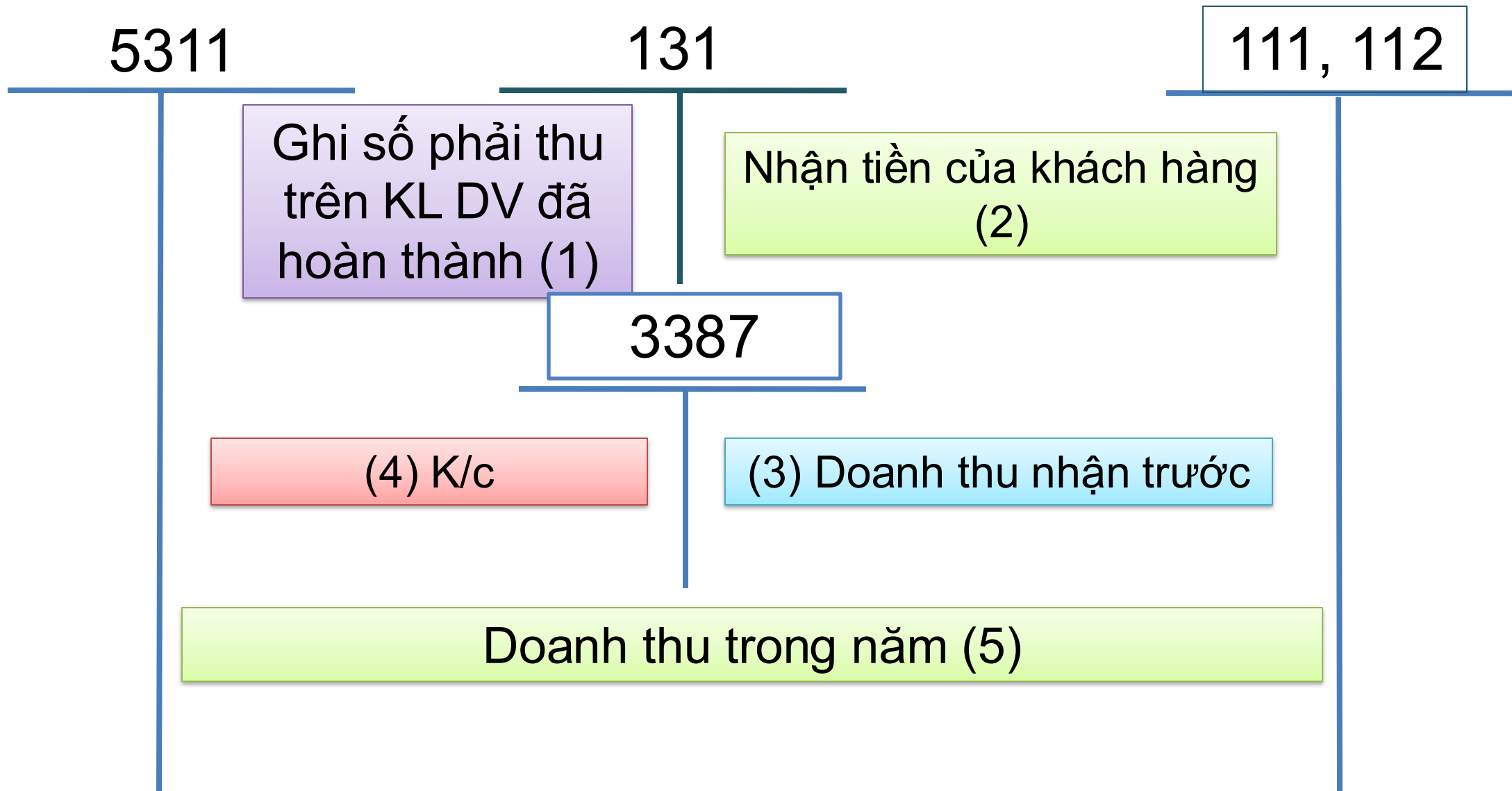
- KP cung cấp DVC sử dụng NS từ NSNN



- Doanh thu cung cấp DVC đơn vị trực tiếp thu



- Doanh thu cung cấp DVC đơn vị trực tiếp thu



Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

➤ Khi kết quả của hoạt động cung cấp dịch vụ **có thể được xác định một cách đáng tin cậy**

Ghi nhận doanh thu tương ứng với phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ theo định kỳ và tại ngày khóa sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm (gọi là xác định doanh thu theo tỷ lệ hoàn thành).

➤ Kết quả của hoạt động cung cấp DV **được coi là đáng tin cậy** khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được XD giá trị một cách đáng tin cậy;
- DV có thể thu được lợi ích từ hoạt động cung cấp DV đó
- Phần công việc đã hoàn thành của DV được xác định một cách đáng tin cậy tại ngày khóa sổ kế toán lập BCTC
- Chi phí đã phát sinh và chi phí để hoàn thành hoạt động cung cấp dịch vụ có thể được xác định một cách đáng tin cậy

Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

- Khi kết quả của hoạt động cung cấp dịch vụ **không thể xác định một cách đáng tin cậy**, đơn vị chỉ được ghi nhận doanh thu tương ứng với số chi phí đã phát sinh và có khả năng thu hồi được. Trong trường hợp này, đơn vị không được ghi nhận bất kỳ khoản thặng dư nào liên quan đến hoạt động đó.
- Khi kết quả của hoạt động cung cấp dịch vụ **không thể xác định một cách đáng tin cậy** **đồng thời đơn vị không chắc chắn có thể thu hồi** được các chi phí đã phát sinh thì đơn vị không được hạch toán doanh thu, mà đối với phần chi phí đã phát sinh đơn vị phải hạch toán ngay vào chi phí trong kỳ và phải bù đắp bằng các nguồn lực khác của đơn vị.

Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

- **Đánh giá mức độ hoàn thành của hoạt động cung cấp dịch vụ:** ĐV cần nhắc sử dụng phương pháp phù hợp để có thể xác định một cách tin cậy về khối lượng dịch vụ đã hoàn thành
- Tùy thuộc vào bản chất của dịch vụ, ĐV có thể sử dụng một trong các phương pháp sau:
 - - Đánh giá phần công việc đã hoàn thành;
 - - Xác định theo % **khối lượng DV hoàn thành** đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm so với tổng khối lượng dịch vụ phải thực hiện
 - - Xác định theo % **của chi phí đã phát sinh** đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm so với tổng chi phí ước tính để hoàn tất toàn bộ dịch vụ. Chỉ có chi phí liên quan đến việc thực hiện dịch vụ mới được tính vào chi phí phát sinh đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm và tổng chi phí ước tính để hoàn tất toàn bộ dịch vụ.

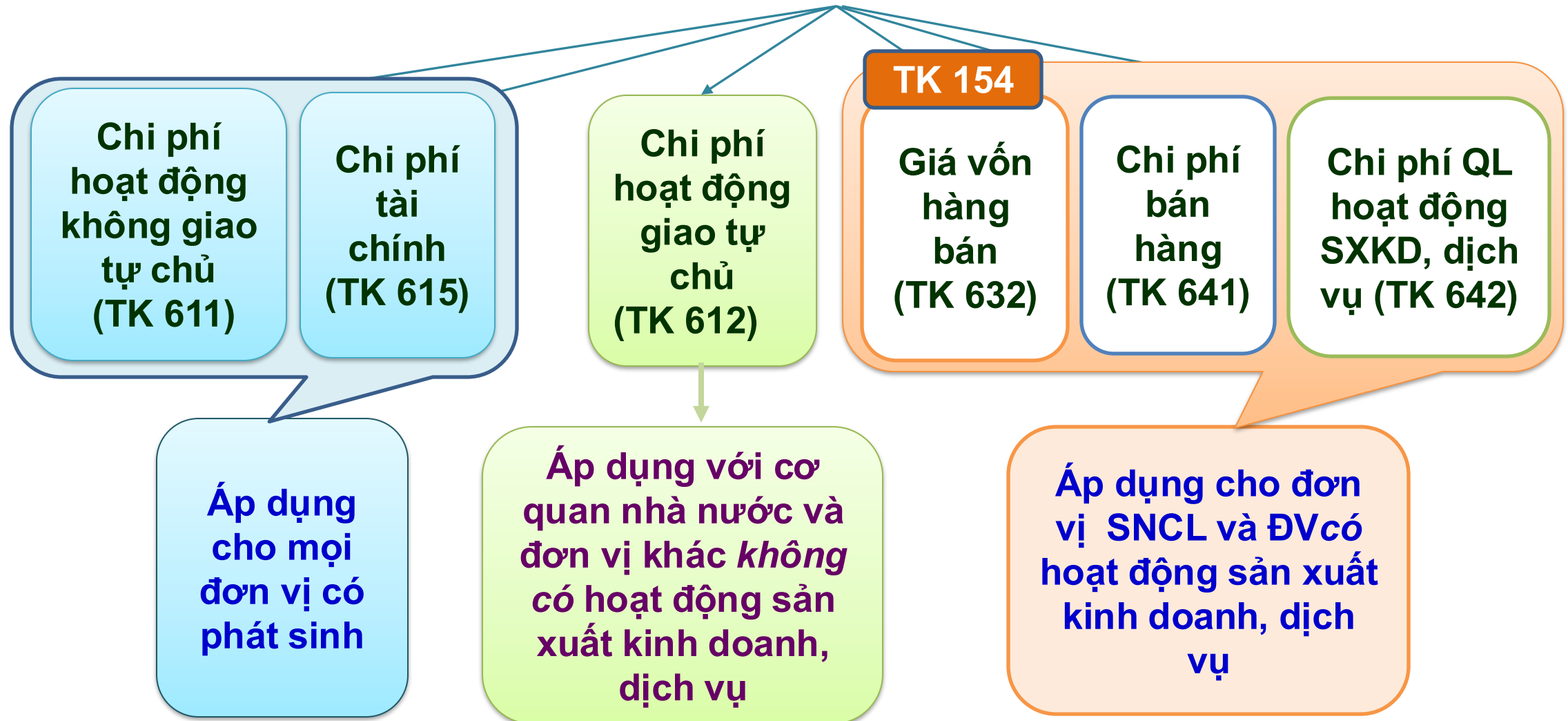
Doanh thu

- Trường hợp trong một đơn vị kế toán có các đơn vị hạch toán phụ thuộc và phát sinh việc điều hòa kinh phí hoặc luân chuyển sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ giữa đơn vị kế toán và các đơn vị này với nhau, thì tùy theo đặc điểm hoạt động, phân cấp quản lý,... đơn vị kế toán cần tổ chức công tác kế toán phù hợp để đảm bảo việc ghi nhận doanh thu đầy đủ, chính xác theo đúng quy định.

- Đơn vị chỉ được ghi giảm doanh thu đối với các khoản liên quan đến doanh thu trong năm.
- Trường hợp trong năm nay có phát sinh khoản phải ghi giảm doanh thu của các năm trước thì **đơn vị không được ghi giảm doanh thu của kỳ báo cáo năm hiện tại** mà phải ghi nhận là chi phí của kỳ báo cáo năm hiện tại (trừ PL có quy định khác) và thuyết minh rõ về nội dung này.

Chi phí

TÀI KHOẢN CHI PHÍ LOẠI 6



ĐVSNC

511		Doanh thu từ KP NSNN cấp
512		Doanh thu từ nhà tài trợ NN
	5121	Doanh thu viện trợ nước ngoài
	5122	Doanh thu vay nợ nước ngoài
514		DT từ phí được khấu trừ, để lại
515		Doanh thu tài chính
518		Doanh thu từ hoạt động nghiệp vụ
531		DT từ hoạt động SXKD, DV
	5311	DT do đơn vị trực tiếp thu
	5312	Doanh thu kinh phí cung cấp dịch vụ SNC từ NSNN

611		CP hoạt động không giao tự chủ
	6111	CP TL, t/công và CP khác người LĐ
	6112	Chi phí vật tư và DV đã sử dụng
	6113	Chi phí hao mòn tài sản cố định
	6118	CP khác
612		Chi phí hoạt động giao tự chủ
	6121	CP TL, t/công và CP khác người LĐ
	6122	Chi phí vật tư và DV đã sử dụng
	6123	Chi phí hao mòn TSCĐ
	6128	CP khác của hoạt động giao tự chủ
615		Chi phí tài chính
632		Giá vốn hàng bán
641		Chi phí bán hàng
642		CPQL hoạt động SXKD dịch vụ
	6421	CP TL, t/công và CP khác người LĐ
	6422	Chi phí vật tư và dịch vụ đã sử dụng
	6423	Chi phí hao mòn/khấu hao TSCĐ
	6428	CP khác của HĐQL SXKD dịch vụ

TÀI KHOẢN CHI PHÍ (Loại 8)

TK chi phí
khác
(TK 811)

**TK chi phí tài sản
bàn giao
(TK 812)**

Chi phí thuế thu
nhập doanh nghiệp
(TK 821)



- Phản ánh tại đơn vị kế toán được giao nhiệm vụ mua sắm ấn chỉ, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, TSCĐ cho toàn ngành => Khi thực hiện cấp phát tài sản đã mua sắm cho đơn vị kế toán khác
- Phản ánh tại Ban quản lý dự án đầu tư => khi thực hiện bàn giao dự án, công trình hoàn thành cho cơ quan, đơn vị khác quản lý và sử dụng

241		Mua sắm, đầu tư xây dựng dở dang
	2411	Mua sắm tài sản cố định
	2412	Đầu tư xây dựng dở dang
	24121	<i>Chi phí đầu tư xây dựng</i>
	24122	<i>Chi phí đầu tư xây dựng chờ phê duyệt quyết toán</i>
	2413	Nâng cấp tài sản cố định

TK 24121- Chi phí đầu tư xây dựng: Phản ánh chi phí đầu tư xây dựng dở dang và tình hình QT chi phí ĐT. **Có số dư bên Nợ**

TK 24122- Chi phí đầu tư xây dựng chờ phê duyệt quyết toán: Phản ánh giá trị tạm tính của các DA, Ctr hoàn thành, đã bàn giao đưa vào sử dụng nhưng đang chờ phê duyệt QT. **Có số dư bên Có**

2412

Đầu tư XD dở dang

24121
CP đầu tư XD

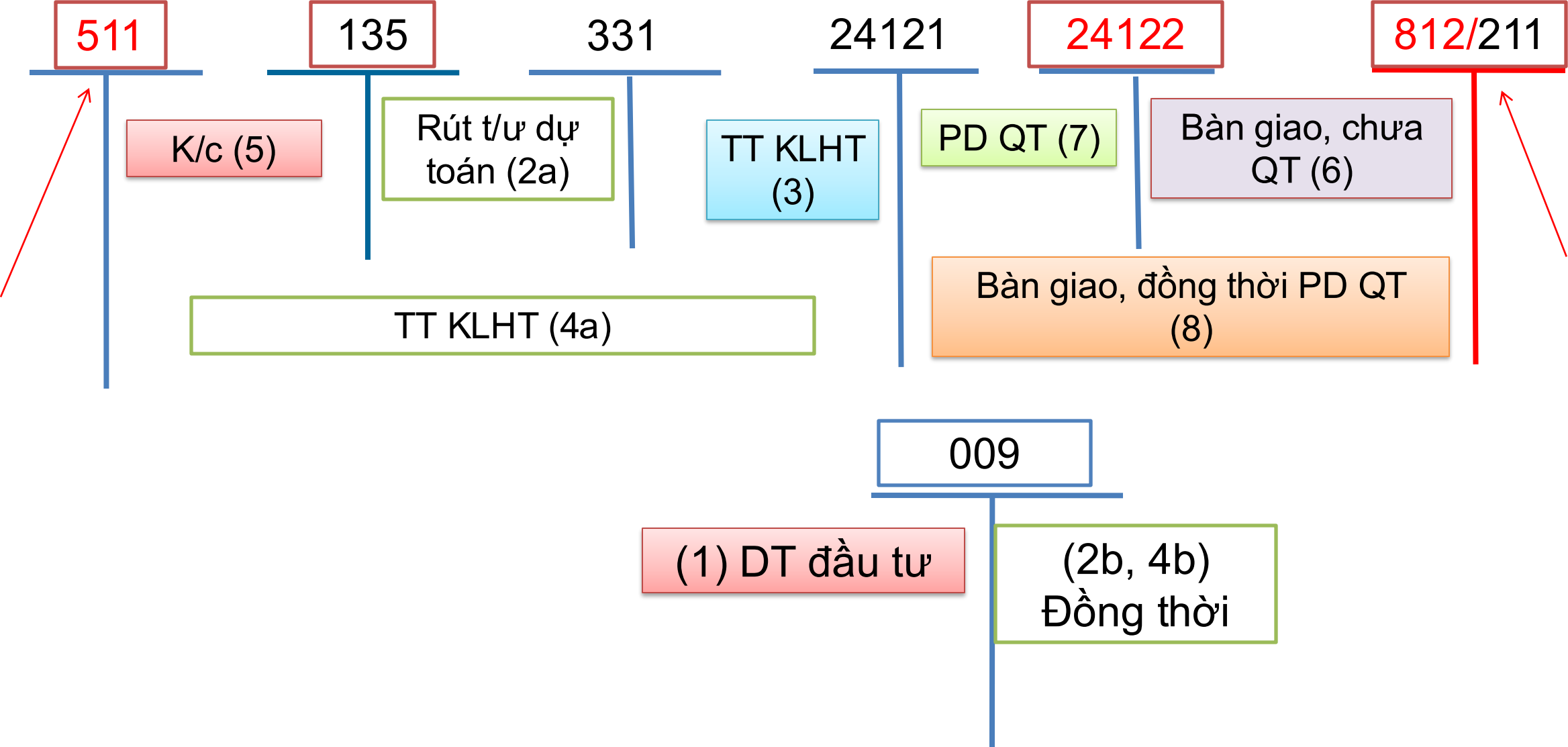
Tập hợp chi phí
XDCB

24122
CP đầu tư XD chờ phê
duyet QT

Bàn giao DA vào
sử dụng nhưng
chưa QT



Hạch toán đầu tư XDCB hình thành tài sản



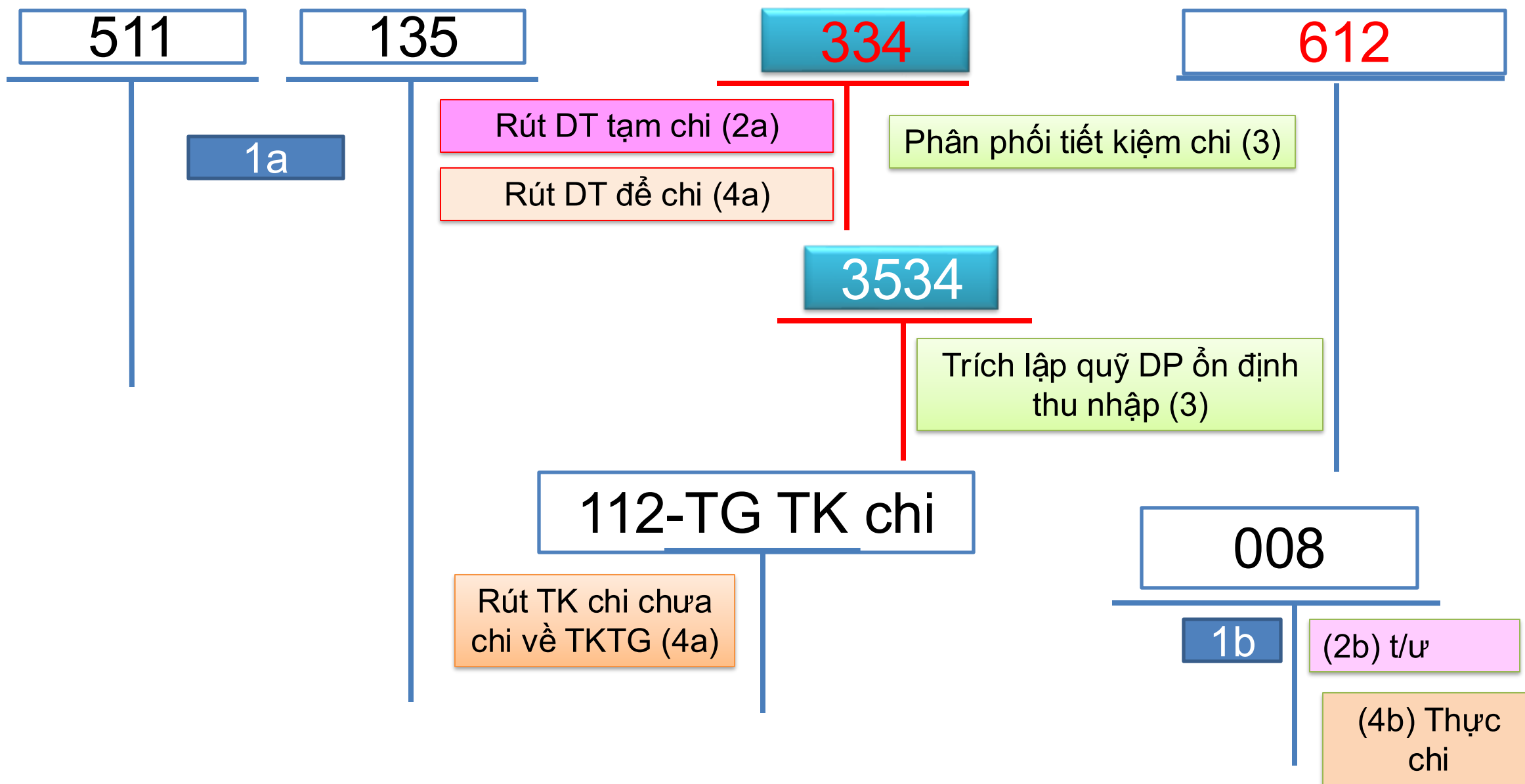
TK ngoài bảng (quyết toán)

005	Lệnh chi tiền tạm ứng
006	Dự toán vay nợ nước ngoài
007	Dự toán viện trợ không hoàn lại
008	Dự toán chi hoạt động
009	Dự toán chi đầu tư
010	Dự toán chi dự trữ quốc gia
011	Kinh phí ngân sách cấp bằng tiền
012	Phí được khấu trừ, để lại
013	Kinh phí hoạt động nghiệp vụ

Tài khoản Quỹ

353		Các quỹ phải trả
	3531	Quỹ bổ sung thu nhập
	3532	Quỹ khen thưởng
	3533	Quỹ phúc lợi
	35331	Quỹ phúc lợi
	35332	Quỹ phúc lợi hình thành TS
	3534	Quỹ dự phòng ổn định thu nhập
	3538	Các quỹ phải trả khác
431		Các quỹ thuộc đơn vị
	4311	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp
	4318	Quỹ khác thuộc đơn vị

PPTK chi từ rút dự toán NSNN- CQHC NN



Trích quỹ phải trả, PP TK chi từ KP bằng tiền- ĐVSNCL 1,2

112- TG phí, SXKD...

353

642

Tạm chi (1)

Trích lập quỹ (2)

112- TG TK chi

Chuyển số TK chưa
chi (3)

BẢNG XÁC ĐỊNH CHÊNH LỆCH THU, CHI/TIẾT KIỆM CHI TỪ KINH PHÍ ĐƯỢC GIAO TỰ CHỦ

Năm

S90-H

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
I	KP được giao tự chủ (hoặc khoán chi) trong năm		
			
II	Chi hoạt động được giao tự chủ trong năm		
	-...		
III	Trích khấu hao tài sản cố định trong năm		
IV	Số trích lập nguồn cải cách tiền lương		
V	Nộp thuế và các khoản nộp NSNN theo quy định		
VI	Kinh phí chuyển năm sau		
			
VII	Số chênh lệch thu, chi cuối năm theo cơ chế tài chính		
1	<i>Trường hợp phải trích lập các quỹ:</i>		
	...		
2	<i>Trường hợp phân phối ngay:</i>		
	...		

**Việc trích lập
quỹ thực hiện
theo quy định
hiện hành**

NĐ 130, 117

NĐ 60

...

...

NĐ 60/2021- ĐVSNCL xác định phần chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên giao tự chủ - ĐVSNCL nhóm 1,2

Kết thúc năm tài chính, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản thu, chi thường xuyên giao tự chủ, trích khấu hao tài sản cố định, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên giao tự chủ (nếu có), đơn vị sự nghiệp công được sử dụng theo thứ tự như sau:

- Trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: Trích tối thiểu 25%;
- Trích lập Quỹ bổ sung thu nhập
- Trích lập Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi
- Trích lập Quỹ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành;
- Phần chênh lệch thu lớn hơn chi còn lại (nếu có) sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định được bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

$$\text{Mức tự bảo đảm chi thường xuyên ĐVSNC (}\%) = \frac{A}{B} \times 100\%$$

➤ A là tổng các khoản thu xác định mức tự chủ tài chính

➤ B là tổng các khoản chi xác định mức độ tự chủ tài chính, gồm:

- ...

- ...

- Chi mua sắm đảm bảo hoạt động thường xuyên từ nguồn kinh phí giao tự chủ

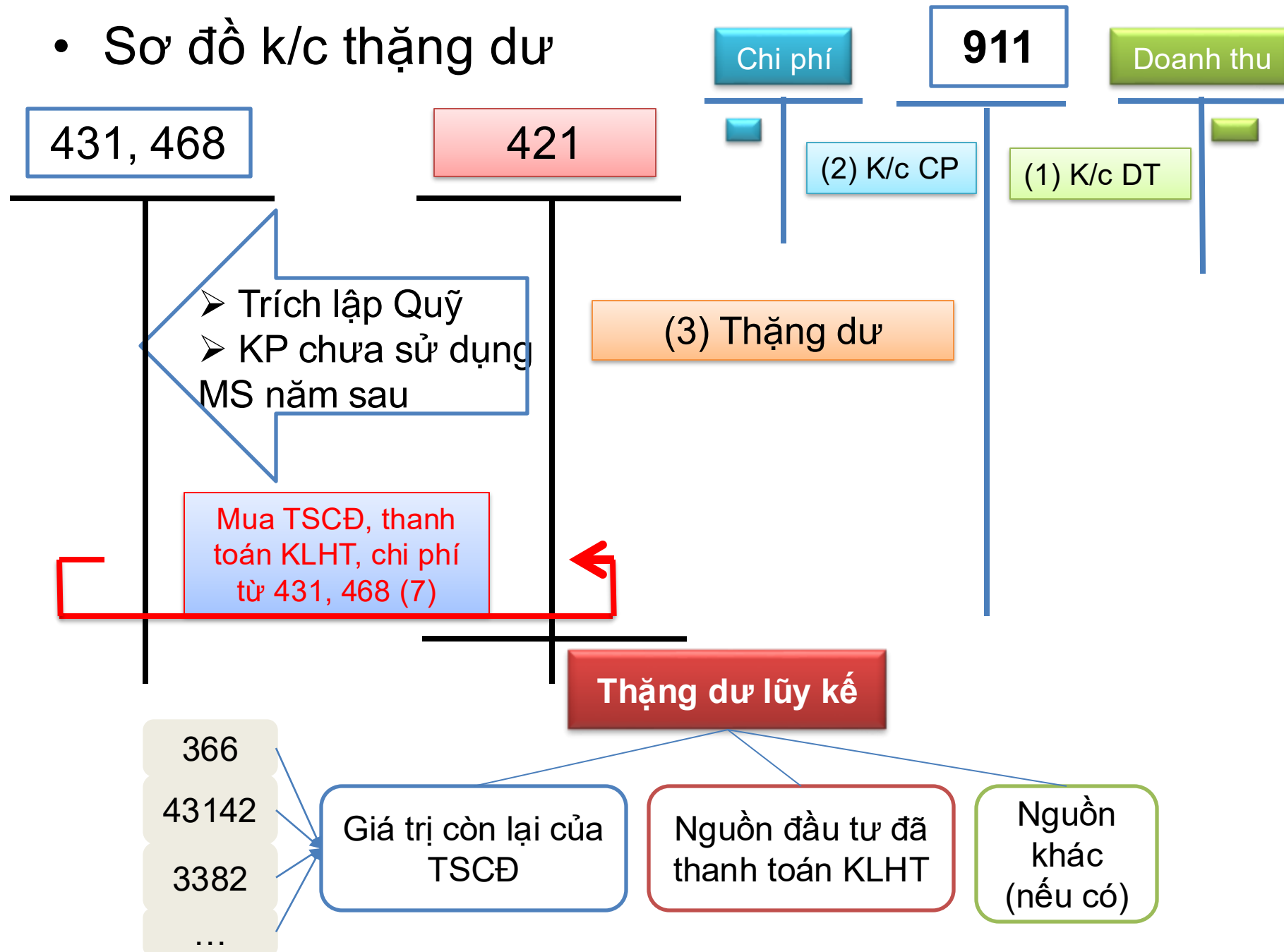
TÀI KHOẢN KẾ TOÁN LOẠI 4

411		Vốn góp
413		Chênh lệch tỷ giá hối đoái
421		Thặng dư (thâm hụt) lũy kế
431		Các quỹ thuộc đơn vị
	4311	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp
	4318	Quỹ khác thuộc đơn vị
468		Nguồn kinh phí mang sang năm sau
	4681	Kinh phí cải cách tiền lương
	4688	Kinh phí khác

Thặng dư và Chênh lệch thu chi

- ❑ Thặng dư được xác định trên TK 421 không phải là căn cứ để phân phối hoặc trích lập các quỹ
- ❑ Việc xác định chênh lệch thu, chi từ kinh phí được giao tự chủ của đơn vị phải thực hiện theo các quy định của cơ chế tài chính hiện hành; theo đó đơn vị thực hiện phân phối hoặc trích lập các quỹ trên cơ sở số liệu các khoản chênh lệch thu, chi (tiết kiệm chi) đã được xác định theo biểu S90

- Sơ đồ k/c thẳng dư



BẢNG XÁC ĐỊNH CHÊNH LỆCH THU, CHI/TIẾT KIỆM CHI TỪ KINH PHÍ ĐƯỢC GIAO TỰ CHỦ

S90-H

Năm

STT	Nội dung	Số tiền	
I	KP được giao tự chủ (hoặc khoán chi) trong năm	50 tỷ	
			
II	Chi hoạt động được giao tự chủ trong năm	40 tỷ	
	-...		
III	Trích khấu hao tài sản cố định trong năm	2 tỷ	
IV	Số trích lập nguồn cải cách tiền lương	1 tỷ	
V	Nộp thuế và các khoản nộp NSNN theo quy định	1 tỷ	
VI	Kinh phí chuyển năm sau	0	
			
VII	Số chênh lệch thu, chi cuối năm theo cơ chế tài chính	6 tỷ	
1	<i>Quỹ PTHĐSN</i>	1,2 tỷ	Nợ 421/Có 431
2	<i>Quỹ Bổ sung TN</i>	3 tỷ	Nợ TK 642/Có TK 3531
3	<i>Quỹ khen thưởng, PL</i>	1,8 tỷ	Nợ TK 642/Có TK 3532, 3533

NHÓM TÀI KHOẢN HÀNG TỒN KHO

```
graph TD; A[NHÓM TÀI KHOẢN HÀNG TỒN KHO] --> B[Bổ sung nguyên tắc kế toán nhóm TK hàng tồn kho]; A --> C[Thống nhất quy định xác định ban đầu (giá gốc) của hàng tồn kho]; A --> D[HD trường hợp đơn vị kế toán cấp trên xuất kho NVL, CCDC cấp phát cho đơn vị cấp dưới];
```

Bổ sung nguyên tắc kế toán nhóm TK hàng tồn kho

Thống nhất quy định xác định ban đầu (giá gốc) của hàng tồn kho

HD trường hợp đơn vị kế toán cấp trên xuất kho NVL, CCDC cấp phát cho đơn vị cấp dưới

- Kế toán hàng tồn kho phải theo dõi đầy đủ cả về mặt giá trị, hiện vật (theo từng loại, từng thứ, từng mặt hàng, từng kho) nhằm đảm bảo khớp đúng giữa giá trị và hiện vật. Tất cả hàng tồn kho khi nhận đều phải được kiểm nhận đầy đủ về chủng loại, số lượng và chất lượng

Hạch toán chi tiết hàng tồn kho phải thực hiện đồng thời tại bộ phận quản lý kho và tại bộ phận kế toán

Bộ phận kế toán phải mở sổ kế toán để ghi sổ đầy đủ cả về số lượng, giá trị từng loại, từng thứ hàng tồn kho được nhập, xuất và còn tồn kho.



Thủ kho phải mở sổ hoặc thẻ kho theo dõi số lượng nhập, xuất, tồn kho đối với từng loại, từng thứ hàng tồn kho.



Định kỳ, kế toán và thủ kho phải đối chiếu về số lượng nhập, xuất, tồn kho của từng loại, từng thứ hàng tồn kho

TK hàng tồn kho

151	Hàng mua đang đi đường
152	Nguyên liệu, vật liệu
153	Công cụ, dụng cụ
154	Chi phí sản xuất kinh doanh, dịch vụ dở dang
155	Sản phẩm
156	Hàng hóa

TÀI KHOẢN 151- HÀNG MUA ĐANG ĐI ĐƯỜNG

TT 79

TK 151- Hàng mua đang đi đường

TT 24

TK 151- Hàng mua đang đi đường

Hàng mua đang đi đường đã thanh toán

Ghi sổ kế toán ngay thời điểm thanh toán

Hàng mua đang đi đường chưa thanh toán

Cuối tháng mới ghi sổ kế toán

TÀI KHOẢN 153- CÔNG CỤ, DỤNG CỤ

Công cụ, dụng cụ đang
trong kho của đơn vị

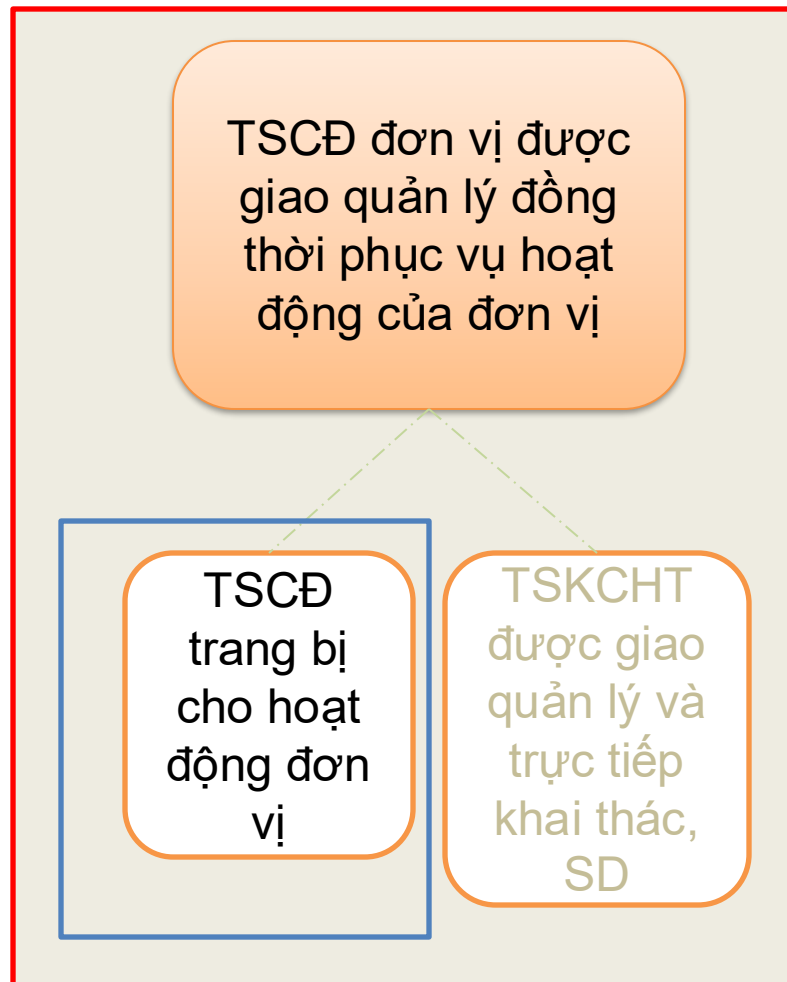
Khi xuất kho
CCDC để sử dụng

Công cụ,
dụng cụ để
phục vụ cho
hoạt động
của đơn vị

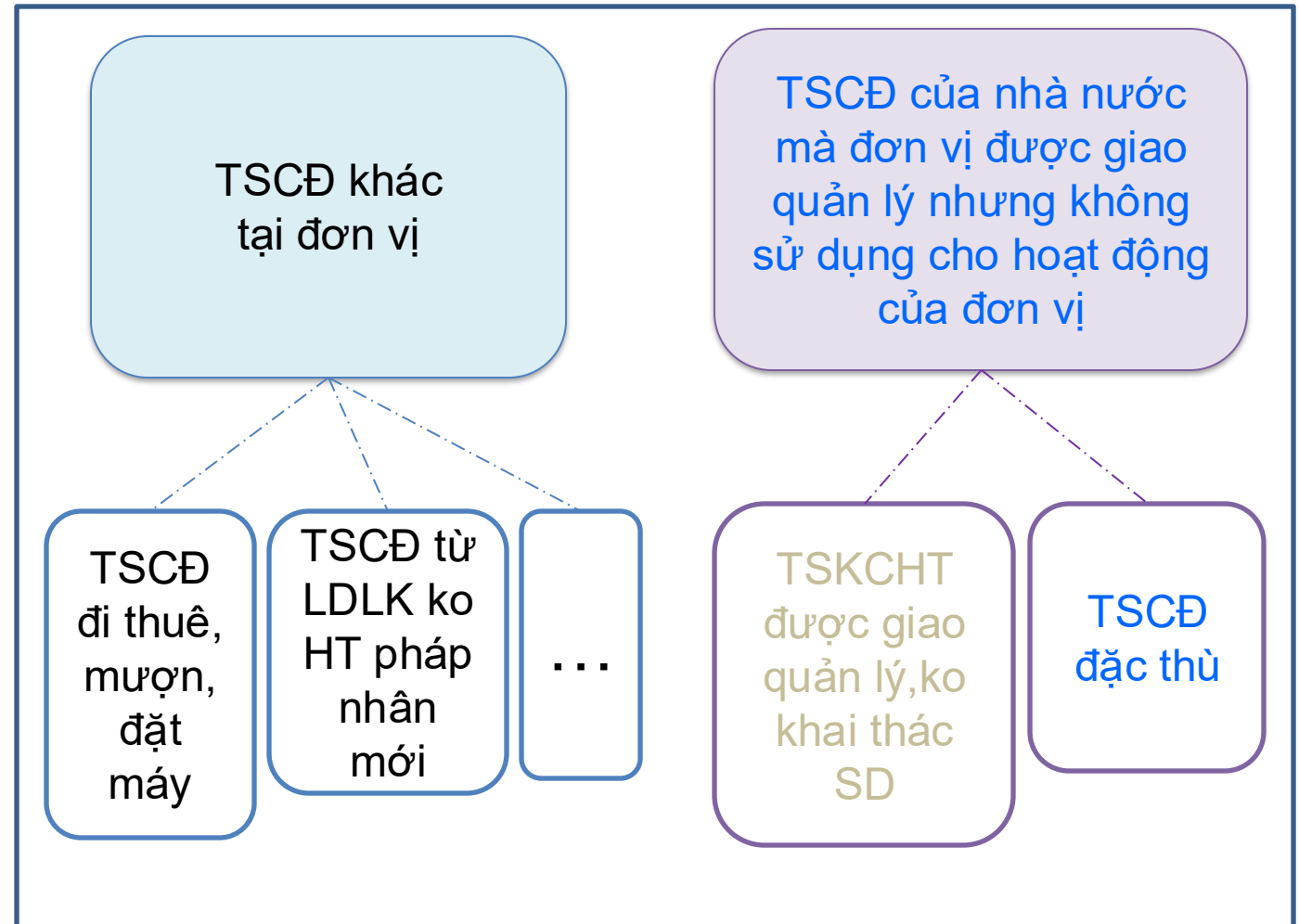
Công cụ, dụng cụ;
TSCĐ đơn vị mua
sắm dự trữ để sau
đó cấp phát cho
các đơn vị kế toán
cấp dưới

Đồng thời theo
dõi ở TK ngoài
bảng: **TK 003-
Công cụ, dụng
cụ đang sử
dụng**

Kế toán TSCĐ



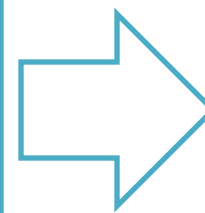
Trong bảng: TK
211, 212,...



Ngoài bảng: TK
001, 002,...

Kế toán TSCĐ

- Mọi trường hợp hạch toán tăng, giảm TSCĐ phải căn cứ hồ sơ, tài liệu có liên quan
- Xác định tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ, nguyên giá và thay đổi nguyên giá của TSCĐ; hao mòn và khấu hao TSCĐ



Thực hiện theo quy định của pháp luật về QL, sử dụng tài sản công.

- **TSCĐ được mua sắm theo hình thức trả chậm, trả dần:**
 - ✓ Giá trị TSCĐ ghi trên hóa đơn được xác định là giá mua trả tiền ngay tại thời điểm mua;
 - ✓ Khoản chênh lệch giữa giá mua trả chậm, trả dần và giá mua trả tiền ngay được hạch toán vào chi phí tài chính theo kỳ hạn thanh toán thực tế (trừ khi có quy định khác).

TK trong bảng- TSCĐ

211		Tài sản cố định của đơn vị
	2111	Tài sản cố định hữu hình
	2113	Tài sản cố định vô hình
212		Tài sản kết cấu hạ tầng đơn vị trực tiếp khai thác, sử dụng
	2121	Tài sản cố định hữu hình
	2123	Tài sản cố định vô hình
214		Khấu hao & hao mòn lũy kế TSCĐ của ĐV
	2141	Khấu hao và hao mòn lũy kế TSCĐ hữu hình
	2143	Khấu hao và hao mòn lũy kế TSCĐ vô hình
215		Hao mòn lũy kế tài sản kết cấu hạ tầng đơn vị trực tiếp khai thác, sử dụng
	2151	Hao mòn lũy kế tài sản cố định hữu hình
	2153	Hao mòn lũy kế tài sản cố định vô hình

Khấu hao và hao mòn TSCĐ

➡ TSCĐ hiện có tại đơn vị đều phải tính hao mòn

➡ TSCĐ sau đây **phải trích khấu hao**:

TSCĐ tại đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư *trừ trường hợp giá dịch vụ sự nghiệp công theo quy định của pháp luật không bao gồm chi phí khấu hao*

TSCĐ tại ĐVSNCL thuộc đối tượng phải kết cấu chi phí khấu hao TSCĐ vào giá dịch vụ theo quy định của pháp luật

TSCĐ tại ĐVSNCL không thuộc phạm vi quy định nêu trên được sử dụng vào hoạt động KD, cho thuê, LDLK theo quy định

Khấu hao TSCĐ

Luật 56

Chi phí khấu hao TSCĐ phải được phân bổ cho từng hoạt động sự nghiệp, hoạt động kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết để hạch toán vào chi phí của từng hoạt động tương ứng và giá thành sản phẩm, dịch vụ.

Số tiền trích khấu hao TSCĐ được dùng để trả nợ các khoản vốn vay, vốn huy động để đầu tư, mua sắm TSCĐ (nếu có). Số tiền còn lại được bổ sung vào Quỹ phát triển HĐSN; trường hợp đơn vị không có Quỹ phát triển HĐSN thì quản lý, sử dụng theo cơ chế tài chính áp dụng đối với đơn vị đó

Khấu hao TSCĐ

Điều 8, NB 60

Đối với tài sản cố định được đầu tư, mua sắm từ nguồn vốn vay, vốn huy động, số tiền trích khấu hao tài sản cố định được dùng để trả nợ; số tiền trích khấu hao tài sản cố định còn lại sau khi trả nợ được bổ sung Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị; trường hợp số tiền trích khấu hao tài sản cố định không đủ trả nợ, đơn vị được dùng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để trả nợ.

Tài sản được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và các nguồn tài chính hợp pháp của ĐVSNCL là tài sản, vốn của Nhà nước.

TÀI KHOẢN KẾ TOÁN LOẠI 1

111		Tiền mặt	138		Phải thu khác
	1111	Tiền Việt Nam		1381	Tài sản thiếu chờ xử lý
	1112	Ngoại tệ		1382	Chi hoạt động liên doanh, liên kết chờ phân bổ
112		Tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc		1383	Phải thu phí, lệ phí
	1121	Tiền Việt Nam		1384	Phải thu bán hàng dự trữ quốc gia
	1122	Ngoại tệ		1385	Phải thu tiền lãi
113		Tiền đang chuyển		1388	Phải thu khác
121		Đầu tư tài chính			
	1211	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	141		Tạm ứng
	1212	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1411	Tạm ứng với người lao động
	1218	Đầu tư khác		1412	Tạm ứng với đầu mối chi tiêu
131		Phải thu khách hàng	151		Hàng mua đang đi đường
133		Thuế GTGT được khấu trừ	152		Nguyên liệu, vật liệu
	1331	Thuế GTGT được khấu trừ của HH, dịch vụ	153		Công cụ, dụng cụ
	1332	Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ	154		Chi phí SXKD, dịch vụ dở dang
135		Phải thu kinh phí được cấp	155		Sản phẩm
	1351	Phải thu từ ngân sách nhà nước	156		Hàng hóa
	1352	Phải thu từ nhà tài trợ	172		Hàng dự trữ quốc gia
	1353	Phải thu từ đơn vị kế toán cấp trên		1721	Hàng dự trữ quốc gia đang đi đường
136		Phải thu nội bộ đơn vị kế toán		1722	Hàng dự trữ quốc gia trực tiếp bảo quản
137		Phải thu nhận UQ, ủy thác chi trả		1723	Hàng dự trữ quốc gia thuê bảo quản
	1371	Phải thu kinh phí ủy quyền từ NSNN		1724	Hàng dự trữ quốc gia tạm xuất
	1378	Phải thu ủy thác, ủy quyền từ đối tượng khác			

Đơn vị kế toán

```
graph TD; A[Đơn vị kế toán] <--> B[TK 136, 336]; A <--> C[TK 141]; B --> D[Đơn vị hạch toán phụ thuộc]; C --> E[Đầu mối chi tiêu];
```

TK 136, 336

TK 141

**Đơn vị
hạch toán phụ thuộc**

Đầu mối chi tiêu

TK TIỀN: 111, 112

- Khóa sổ theo định kỳ và đối chiếu theo quy định.
- **Số dư tiền cuối ngày 31/12 đã đối chiếu phải đảm bảo khớp đúng với số liệu trình bày trên báo cáo tài chính, không được hạch toán các nghiệp vụ phát sinh tiền sau khi đã khóa sổ và đối chiếu cuối ngày 31/12 vào sổ kế toán năm trước.**

Tình huống

1. Ngày 25/01/2025 nộp TM đã ứng để hoàn trả dự toán thuộc NS năm 2024
2. 15/12/2024 mua VPP, nhưng chưa cân đối tiền để trả, đến tháng 01/2025 mới trả tiền từ nguồn dịch vụ.
3. Tháng 5/2025 kiểm toán kiến nghị thu hồi 1 khoản tiền đã hạch toán vào chi phí từ năm 2022 do không đủ hồ sơ của khoản chi, cá nhân phải nộp lại
4. Tháng 4/2025 trả lại khoản thu học phí năm 2023

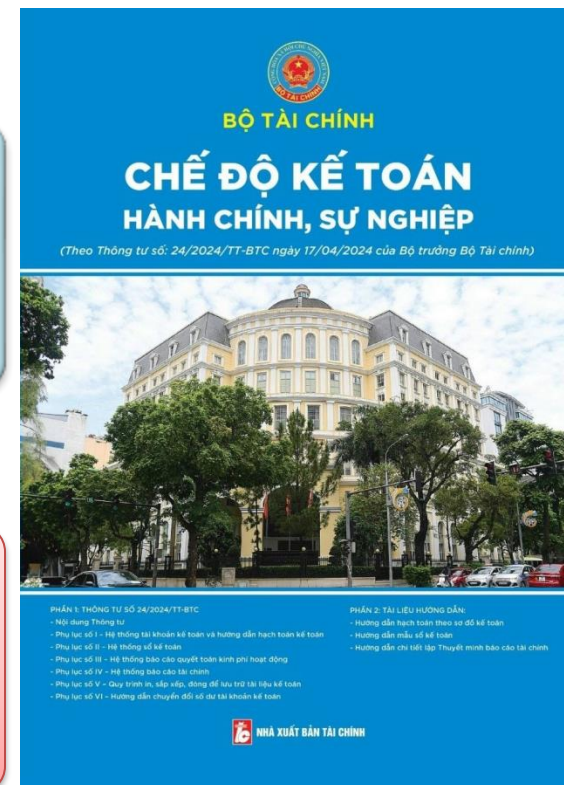
**Quy định
về sổ kế toán**

Nội dung và mẫu sổ kế toán

Hướng dẫn nội dung sổ kế toán tại **Phụ lục II**
“Hệ thống sổ kế toán”

Quy định các yếu tố tối thiểu cần phải có trên
từng mẫu sổ kế toán

Đơn vị tự thiết kế mẫu sổ kế toán theo danh mục
sổ kế toán



Sổ kế toán chi tiết hàng tồn kho

Số liệu kế toán TK 152, 153,...

Sổ kho/Thẻ kho	S21- H
Sổ chi tiết nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	S22- H
Bảng tổng hợp chi tiết nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	S23-H
Sổ chi tiết tài sản thừa chờ xử lý	S36-H
Sổ chi tiết tài sản thiếu chờ xử lý	S37-H

Thông tin chi tiết và số liệu trên
phần mềm hàng tồn kho

Kiểm kê hàng tồn
kho cuối năm

Sổ kế toán chi tiết TSCĐ

Số liệu kế toán TK 211, 212,...

Sổ tài sản cố định của đơn vị	S24-H
Thẻ tài sản cố định	S25-H
Sổ theo dõi TSCĐ và công cụ, dụng cụ tại nơi sử dụng	S26-H
Sổ chi tiết tài sản thừa chờ xử lý	S36-H
Sổ chi tiết tài sản thiếu chờ xử lý	S37-H

Thông tin chi tiết và số liệu trên
phần mềm TSCĐ

Kiểm kê TSCĐ
cuối năm

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

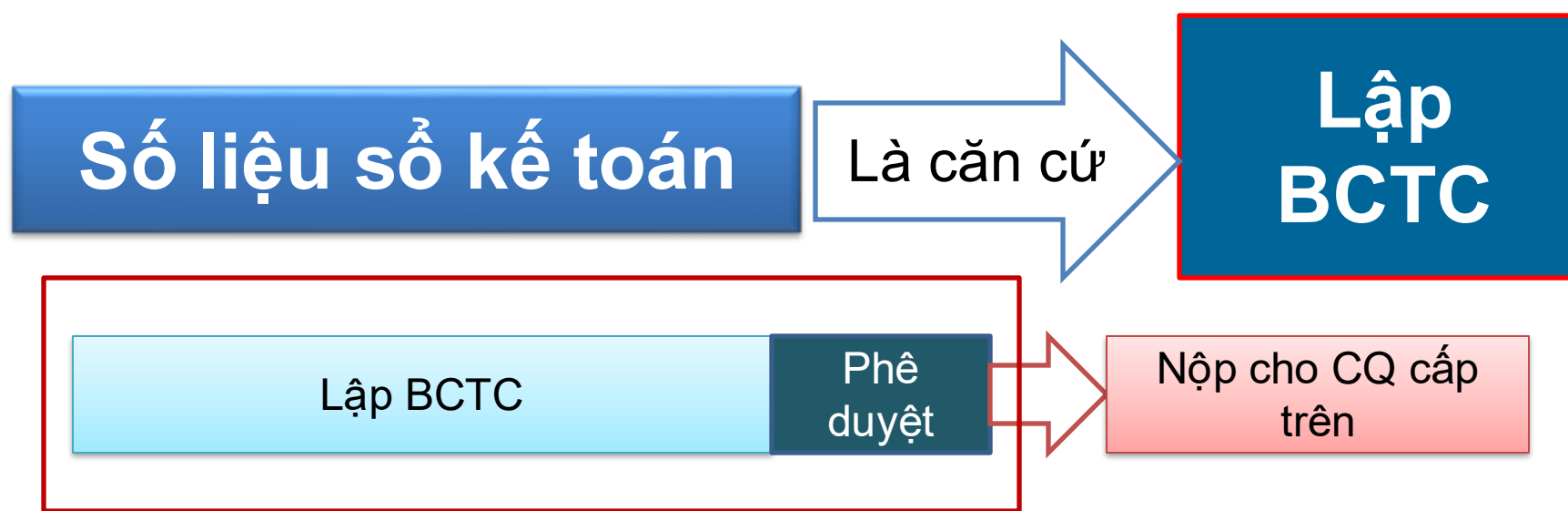
Năm:.....

Tên tài khoản:Số hiệu:

Đối tượng:

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	3	4	F

1. Mục đích lập sổ: Sổ này dùng chung cho một sổ tài khoản chưa có quy định riêng về ghi sổ kế toán.



- Nghiêm cấm mọi hành vi can thiệp làm thay đổi thông tin, số liệu trình bày trên báo cáo tài chính đã được nộp cho cơ quan có thẩm quyền hoặc đã được công khai.
- Trường hợp phải điều chỉnh thông tin, số liệu trình bày trên báo cáo tài chính đã được nộp cho cơ quan có thẩm quyền hoặc đã được công khai, thì phải đảm bảo các nguyên tắc điều chỉnh thông tin, số liệu theo quy định tại Thông tư này và văn bản hướng dẫn có liên quan.

Sửa chữa sổ kế toán

- Khoản 3 Điều 27 Luật Kế toán quy định: “*Trường hợp phát hiện sổ kế toán có sai sót sau khi báo cáo tài chính năm đã nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì phải sửa chữa trên sổ kế toán của năm đã phát hiện sai sót và thuyết minh về việc sửa chữa này.*”.

Sai sót trọng yếu

Thay đổi
trong chính
sách kế toán

Thay đổi số
liệu ước
tính kế toán

Điều chỉnh hồi tố

Áp dụng hồi tố

Áp dụng phi hồi tố

Tình huống

❑ Năm 2023:

- Đơn vị có sửa chữa nhà làm việc là 200.000.000đ, từ KP NSNN
- Đã hạch toán vào TK 211 và TK 366: 200.000.000đ
- Đã trích hao mòn TSCĐ: Nợ TK 642/ Có TK 2141: 20.000.000đ.

❑ Năm 2024

- Đã trích hao mòn TSCĐ

❑ Tháng 01/2025, phát hiện việc hạch toán giá trị sửa chữa nhà làm việc này vào TSCĐ là không đúng theo quy định. Đ/c lại các bút toán trên như thế nào